

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **856/2020/HC-PT**

Ngày: 09/9/2020

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Phúc

Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Cúc

: Ông Chu Xuân Quyền

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Hương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
50/2019/TLPT-HC ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc: “*Khiếu kiện quyết định
hành chính về quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 25 tháng 4 năm
2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4362/2020/QĐXXPT-HC ngày
10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị Mười N**

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn G**

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, Thành phố H.

(Giấy ủy quyền ngày 06/11/2019)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C

Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông **Lê Minh D** - Chủ tịch Ủy
ban nhân dân huyện C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trương Tiến T**, chức vụ: Phó Chủ tịch

Ủy ban nhân dân huyện C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Nguyễn Văn N**, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân huyện Cần G.

Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Văn G**

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, Thành phố H.

- Ông **Nguyễn Minh T**

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn Gấm**.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, Thành phố H.

(Giấy ủy quyền ngày 06/11/2019)

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Nguyễn Văn G có mặt, ông Nguyễn Văn Nn có mặt, ông Trương Tiến T có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2009, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/11/2018, Bản tự khai và quá trình tố tụng, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Mười N trình bày:

Vào năm 1994 gia đình bà Nguyễn Thị Mười N chuyển từ xã T, huyện C về sinh sống tại xã T, huyện C; năm 1995, được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân xã T, gia đình bà N khai hoang được khu đất có diện tích 9.348 m² tại ấp T, xã T để trồng cây lâu năm (cây Bạch đàn).

Ngày 17/7/1997, gia đình bà N chuyển hộ khẩu từ xã T, huyện C về ấp A, xã T, huyện C.

Năm 2002, bà N làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất đối với phần diện tích đất đã khai hoang để ổn định canh tác. Năm 2003, bà N làm thủ tục hợp thức hóa quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là) UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là giấy CNQSDĐ) số 1556/QSDĐ/TC, ngày 10 tháng 01 năm 2003 cho hộ bà Nguyễn Thị Mười N, sinh năm 1960, cư trú tại ấp A, xã T, huyện C, Thành phố H; Thửa đất có diện tích 9.348 m², nhằm thửa 287-1, thuộc tờ 01 tại xã T, huyện C, Thành phố H.

Năm 2007, bà N nhận được Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2007 của UBND huyện C về thu hồi khu đất có diện tích 9.348

m², nhằm thửa 287-1, thuộc tờ 01, xã T, huyện C tại giấy CNQSDĐ số 1556/QSDĐ - SX, ngày 10 tháng 01 năm 2003 của bà Nguyễn Thị Mười N, sinh năm 1960, ngụ tại 191/4, ấp A, xã T, huyện C (Sau đây viết tắt là Quyết định 1545). Quyết định 1545 nêu lý do thu hồi là: Đất được giao không đúng đối tượng theo quy định tại khoản 5, Điều 38 Luật đất đai 2003.

Không đồng ý với nội dung Quyết định 1545, bà N đã có đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 823/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 8 năm 2009 về giải quyết đơn khiếu nại với nội dung: Không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Mười N, cư ngụ tại ấp A, xã T, huyện C; giữ nguyên Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2007 của UBND huyện C về thu hồi khu đất có diện tích 9.348 m², nhằm thửa 287-1, thuộc tờ 01, xã T (Sau đây viết tắt là Quyết định 823).

Ngày 08/10/2009, bà Nguyễn Thị Mười N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân huyện C yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2007 của UBND huyện C với lý do quyết định trên là không có căn cứ, không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/11/2018, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện C cung cấp các quyết định mới. Nhận thấy trong số các quyết định mới này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình và gia đình cho nên bà N đã làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C hủy bỏ thêm Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2013 của UBND huyện Cần Giờ về thu hồi khu đất có diện tích 9.348 m², nhằm thửa 287-1, thuộc tờ 01, xã T, huyện C và Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2013 của UBND huyện C về thu hồi và hủy bỏ giấy CNQSDĐ số 1556/QSDĐ/TC ngày 10 tháng 01 năm 2003 của UBND huyện cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Mười N với lý do các quyết định này là không có căn cứ, không đúng pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Người khởi kiện có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C hủy thêm Quyết định 823 về giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, nhận thấy Quyết định 823 không còn gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình nữa cho nên bà Nguyễn Thị Mười N xin rút lại yêu cầu hủy quyết định này.

Người bị kiện, người đại diện của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày trong các văn bản gửi cho Tòa án, tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa trình bày:

Năm 1994, bà Nguyễn Thị Mười N có khai hoang diện tích 9.348 m²,

nhằm thửa 287-1, thuộc tờ bản đồ số 1, xã T để sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm (cây Bạch đàn). Năm 2002, UBND xã T có Tờ trình số 324/TT.UB đề nghị UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà N.

Ngày 01/10/2003, UBND huyện C cấp giấy CNQSDĐ số 1556/QSDĐ/TC cho Hộ gia đình bà N.

Ngày 03/12/2007, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1545/QĐ-UBND về thu hồi phần đất diện tích 9.348 m², nhằm thửa 287-1, thuộc tờ bản đồ số 01, xã T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1556/QSDĐ/SX cấp cho bà Nga, với lý do đất được giao không đúng đối tượng theo quy định tại khoản 5, Điều 38 Luật đất đai 2003.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà N, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2009 về giải quyết đơn khiếu nại với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị Mười N.

Tại các Văn bản bản của UBND huyện C gửi cho Tòa án cũng như các nội dung trình bày tại Tòa án trước ngày 27/9/2018, UBND huyện C, người đại diện cho UBND huyện C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện C cho rằng bà Nguyễn Thị Mười N không phải là đối tượng được giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ cho nên UBND huyện C vẫn giữ nguyên nội dung Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2007 về thu hồi phần đất diện tích 9.348m², nhằm thửa 287-1, thuộc tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã T và Quyết định 823/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2009 về giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Mười N.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21 tháng 11 năm 2018, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện C có nộp cho Tòa các tài liệu mới, đó là: Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2011 của UBND huyện C về thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2007 của UBND huyện C (Sau đây viết tắt là Quyết định 587); Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2013 của UBND huyện C về thu hồi khu đất có diện tích 9.348 m², nhằm thửa 287-1, tờ bản đồ số 01, xã T, huyện C (Sau đây viết tắt là Quyết định 92); Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2013 của UBND huyện C về thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1556/QSDĐ/TC ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân huyện cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Mười N (Sau đây viết tắt là Quyết định 623).

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18 tháng 4 năm 2019, người bảo vệ quyền và

lợi ích hợp pháp của UBND huyện C trình bày thêm rằng đến thời điểm xét cấp quyền sử dụng đất năm 2003, hộ bà Nguyễn Thị Mười N chưa có quá trình sử dụng đất ổn định; tại thời điểm được cấp quyền sử dụng đất, hộ bà Nguyễn Thị Mười N không có nhân khẩu nông nghiệp nên không thuộc đối tượng cấp đất; hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ không đảm bảo thủ tục, cho nên UBND huyện C vẫn giữ nguyên nội dung Quyết định 92 và Quyết định 623.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn G trình bày: Ông G có đơn xin vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ông G có mặt và trình bày có nội dung giống với nội dung đã được người khởi kiện trình bày. Ông G yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Ông Nguyễn Minh T: Ông T có đơn xin vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng cũng như phiên tòa xét xử. Ông T có trình bày trong bản tự khai giống nội dung của Người khởi kiện đã trình bày và có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo đúng pháp luật cho gia đình ông.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mười N:

- Hủy Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi khu đất diện tích 9.348 m², nhằm thửa 287-1, thuộc tờ bản đồ số 1, xã T, huyện C;

- Hủy Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi khu đất có diện tích 9.348 m², nhằm thửa 287-1, thuộc tờ 01, xã T, huyện C;

- Hủy Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1556/QSDĐ/TC ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Mười N.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm UBND huyện C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: UBND huyện C cho rằng hộ bà Nguyễn Thị Mười N không có nhân khẩu nông nghiệp nên không thuộc đối tượng được giao đất và không có quá trình sử dụng đất ổn định nên việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1556/QSDĐ/TC ngày 10 tháng 01 năm 2003 cho hộ bà Nguyễn Thị

Mười N là không đúng quy định. Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cũng không được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Do đó, UBND huyện C đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, giữ nguyên quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2013 và Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2013.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện có ông Nguyễn Văn G đại diện theo ủy quyền xin rút lại yêu cầu hủy Quyết định số 1545/QĐ-UBND, giữ nguyên yêu cầu hủy Quyết định số 92/QĐ-UBND và hủy Quyết định số 623/QĐ-UBND.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn đề nghị vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật về thời gian, địa điểm xét xử, thành phần Hội đồng xét xử và các thủ tục tố tụng tại phiên tòa. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của UBND huyện C, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1545/QĐ-UBND.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của UBND huyện C đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, do đó về hình thức là hợp lệ

[2] Về người tham gia tố tụng trong vụ án, cấp sơ thẩm đã đưa tham gia đủ, việc tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hành chính, đồng thời xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *“Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp thu hồi đất”* là chưa chính xác. Trong vụ án này, người khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính về thu hồi đất và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không khởi kiện về hành vi hành chính. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định đúng phải là *“Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”*.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của UBND huyện C.

Xét trình tự, thủ tục trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị Mười N thể hiện đất được cấp là loại đất rừng tự nhiên được khai hoang năm 1994; Ngày 21/3/2001 Hội đồng xét cấp đất của UBND xã T, huyện C họp xem xét và đồng ý đề nghị cấp đất cho hộ bà Nguyễn Thị Mười N và UBND xã T, huyện C lập Tờ trình ngày 30/9/2002 kiến nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Na. Ngày 08/01/2003 Phòng Quản lý đô thị huyện C có Tờ trình đề nghị UBND huyện Cần Giờ xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị Mười N. Từ những căn cứ này, UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1556/QSĐĐ/TC ngày 10 tháng 01 năm 2003 cho hộ bà Nguyễn Thị Mười N. Xét thấy, việc cấp giấy này là đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 2, Điều 5, Điều 36 Luật Đất đai năm 1993, khoản 3 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

Đối với việc không niêm yết công khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đây là thiếu sót của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy, không phải lỗi của người được cấp giấy nên không phải là căn cứ để thu hồi đất và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét quá trình sử dụng đất của bà N, căn cứ vào các tài liệu gồm: Kết quả xác minh ngày 26/9/2018 của Công an xã T, huyện C có nội dung: *“hộ bà Nguyễn Thị Mười N đến sinh sống tại địa phương cuối năm 1993 đầu năm 1994, cho đến ngày 17/7/997 có chuyển hộ khẩu về Tổ 17, ấp A, xã T, huyện C. Sống từ nguồn thu nhập lương và có làm thêm cây bạch đàn...”*; Quyết định số 610/1Đ-UBND ngày 28/5/2013 của UBND huyện C ban hành về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ chi phí đầu tư trồng cây bạch đàn trên đất cho hộ bà Nguyễn Thị Mười N đã chứng minh UBND huyện C thừa nhận bà Nguyễn Thị Mười N có đầu tư trồng cây bạch đàn trên đất; Công văn số 445/TNMT ngày 26/5/2011 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C cũng xác nhận bà N có quá trình khai hoang và sản xuất từ năm 1994 và là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại địa phương và hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho bà N không phải là giao đất mà là hồ

sơ hợp thức hóa. Như vậy, có cơ sở để chứng minh hộ bà Nguyễn Thị Mười N có quá trình sử dụng đất ổn định, và là hộ sản xuất nông nghiệp nên thuộc đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những phân tích trên, xét UBND huyện C ban hành Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 28/5/2013 về thu hồi đất và Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 28/5/2013 thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do cấp đất không đúng đối tượng là không có căn cứ, không đúng các quy định của pháp luật về đất đai. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã hủy các quyết định này là có cơ sở pháp luật.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của UBND huyện C.

Xét việc người khởi kiện rút yêu cầu hủy Quyết định số 1545/QĐ-UBND là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét sửa một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí hành chính phúc thẩm: do bản án sơ thẩm bị sửa nên UBND huyện C không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008,

1. Bác kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C.

Tuyên xử:

- Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mười N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi khu đất diện tích 9.348 m², nhằm thửa 287-1, thuộc tờ bản đồ số 1, xã T, huyện C.

- Hủy Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi khu đất có diện tích 9.348 m², nhằm thửa 287-

1, thuộc tờ 01, xã T, huyện C;

- Hủy Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1556/QSDD/TC ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân huyện cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Mười N.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng Ủy ban nhân dân huyện C phải nộp.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mười N số tiền tạm nộp án phí 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 008548 ngày 08/10/2009 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng cho Ủy ban nhân dân huyện C, theo biên lai số AG/2011/06540 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giờ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Phúc